TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/DS-ST
Ngày: 18-02-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Ngọc Điệp;

2. Ông Trần Quang Tuyến.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 627/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 338/2024/QĐXXST-DS ngày 09/12/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Q; trụ sở tại: Tầng 1, Tòa nhà S, 1 P, phường B, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Huỳnh Thanh T, ông Lưu Trường H, ông Trần Văn L – chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Q, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 21/01/2025); bà T có mặt.

- Bị đơn: Ông Cao Minh Th, sinh năm 1983 và bà Đoàn Thị Trúc L, sinh năm 1998; cùng địa chỉ: Số 1, đường số 1, Khu biệt thự P, tổ 5, khu 5, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Q và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Q (Ngân hàng Q) và ông Cao Minh Th và bà Đoàn Thị Trúc L đã ký Hợp đồng tín dụng số 0150.19.805.HĐTD ngày 25/11/2019, số tiền giải ngân: 1.091.000.00 đồng; mục đích giải ngân: Đáp ứng nhu cầu về thanh toán mua xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz; Hợp đồng mua bán xe số 0055/2019/HĐMB ngày 21/01/2019; thời hạn vay: 84 tháng, từ ngày 26/01/2019 đến ngày 25/01/2026; lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9,5%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với thông

thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 2,8%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay; trả nợ gốc: Hàng tháng vào ngày 26, mỗi tháng trả 12.989.000 đồng, tháng cuối cùng trả 12.913.000 đồng; trả nợ lãi: Hàng tháng vào ngày 26, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 26/02/2019; trả phí: Theo quy định của Ngân hàng Q từng thời kỳ.

Ngày 25/01/2019, Ngân hàng Q đã giải ngân cho ông Cao Minh Th và bà Đoàn Thị Trúc L theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0150.19.805.KUNN với số tiền 1.091.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng. Căn cứ Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 22/10/2019, Ngân hàng Q đồng ý cấp Thẻ tín dụng cho ông Cao Minh Th, chi tiết như sau: Số tài khoản thẻ: C000000000253798; loại thẻ: Thẻ tín dụng Ngân hàng Q Travel Elite; hạn mức thẻ: 109.000.000 đồng; lãi suất, phí: theo quy định của Ngân hàng Q từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Cao Minh Th, bà Đoàn Thị Trúc L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi và khoản vay đã quá hạn thanh toán kể từ ngày 15/5/2021. Mặc dù đã tạo điều kiện nhiều lần để ông Th, bà L trả nợ nhưng ông, bà vẫn vi phạm, không thực hiện theo đúng thỏa thuận. Tính đến ngày 18/02/2025, ông Cao Minh Th, bà Đoàn Thị Trúc L đã trả được 556.800.728 đồng (trong đó: nợ gốc 337.714.000 đồng, nợ lãi 219.086.728 đồng) và còn nợ Ngân hàng Q số tiền là 1.402.073.927 đồng, trong đó nợ gốc 862.216.982 đồng, nợ lãi trong hạn 42.402.454 đồng, nợ lãi quá hạn 444.404.054 đồng, phí 53.050.437 đồng. Nay, Ngân hàng Q yêu cầu ông Cao Minh Th, bà Đoàn Thị Trúc L thanh toán số tiền trên và tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận kể từ ngày 19/02/2025 đến khi trả hết khoản nợ.

Đối với bị đơn ông Cao Minh Th và bà Đoàn Thị Trúc L: Ông Cao Minh Th và bà Đoàn Thị Trúc L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Cao Minh Th và bà Đoàn Thị Trúc L không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu tại phiên tòa: Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng Q yêu cầu bị đơn ông Cao Minh Th và bà Đoàn Thị Trúc L thanh toán khoản nợ theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên. Như vậy quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn ông Cao Minh Th và bà Đoàn Thị Trúc L cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn ông Cao Minh Th và bà Đoàn Thị Trúc L đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Việc bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng được xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình.

[2] Về nội dung: Xét Hợp đồng tín dụng số 0150.19.805.HĐTD ngày 25/11/2019 và Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 22/10/2019 được ký kết giữa Ngân hàng Q với ông Cao Minh Th và bà Đoàn Thị Trúc L là hợp pháp. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng Q đã giải ngân cho ông Th, bà L đối với Hợp đồng tín dụng số 0150.19.805.HĐTD ngày 25/11/2019, theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0150.19.805.KUNN ngày 25/01/2019 với số tiền 1.091.000.00 đồng và cấp Thẻ tín dụng cho ông Cao Minh Th và bà Đoàn Thị Trúc L, theo số tài khoản thẻ: C000000000253798 với số tiền 109.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Th, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nhưng không được Ngân hàng Q cơ cấu lại thời hạn trả nợ nên Ngân hàng Q khởi kiện yêu cầu ông Cao Minh Th và bà Đoàn Thị Trúc L thanh toán khoản nợ là có căn cứ chấp nhận. Tổng khoản nợ ông Cao Minh Th và bà Đoàn Thị Trúc L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Q tính đến hết ngày 18/02/2025 là 1.402.073.927 đồng, trong đó nợ gốc 862.216.982 đồng, nợ lãi trong hạn 42.402.454 đồng, nợ lãi quá hạn 444.404.054 đồng, phí 53.050.437 đồng.

Đồng thời từ ngày 19/02/2025 trở đi, ông Cao Minh Th và bà Đoàn Thị Trúc L phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi quá hạn trên dư nợ gốc thực tế theo Hợp đồng tín dụng số 0150.19.805.HĐTD ngày 25/11/2019 và Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 22/10/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3] Về tài sản thế chấp: Ngân hàng Q không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Cao Minh Th và bà Đoàn Thị Trúc L phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 227, 228, 235, 238, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 317, 318 và Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q đối với ông Cao Minh Th và bà Đoàn Thị Trúc L về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

1.1. Buộc ông Cao Minh Th và bà Đoàn Thị Trúc L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Q tổng số tiền tính đến hết ngày 18/02/2025 là 1.402.073.927 đồng; trong đó nợ gốc 862.216.982 đồng, nợ lãi trong hạn 42.402.454 đồng, nợ lãi quá hạn 444.404.054 đồng, phí 53.050.437 đồng.

1.2. Kể từ ngày 19/02/2025 trở đi, ông Cao Minh Th và bà Đoàn Thị Trúc L có trách nhiệm tiếp tục trả cho Ngân hàng Q tiền lãi tính trên dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0150.19.805.HĐTD ngày 25/11/2019 và Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 22/10/2019 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Cao Minh Th và bà Đoàn Thị Trúc L phải chịu số tiền 54.062.218 đồng.

2.2. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho Ngân hàng Q số tiền 25.809.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002165 ngày 23/7/2024.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Nguyễn Duy Sinh